

Bản án số: 335/2024/DS-ST

Ngày: 20/9/2024

V/v “Tranh chấp về thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Cán bộ Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H:* bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-DS ngày 07/6/2022 “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí C - sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 1600/3 đường v, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng M – sinh năm 1974 (theo giấy ủy quyền có số công chứng 005159, quyền số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 23/6/2022 tại Văn phòng công chứng N) (có mặt).

Địa chỉ: Văn phòng công chứng N, Phường 10, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T - sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 357/22/3 đường T, phường B, quận T, THÀNH PHỐ H

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Mai D - sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 113 đường số 1 khu tái định cư L, phường A, quận B, THÀNH PHỐ H.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M - sinh năm 1973.

3. Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1975.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc P - sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số 357/22/3 đường T, phường B, quận T, THÀNH PHỐ H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc P: Ông Nguyễn Duy T - sinh năm 1980 (theo giấy

ủy quyền có số công chứng 011999, quyền số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 14/10/2022 tại Văn phòng công chứng B) (có mặt)

Địa chỉ: Số 357/22/3 đường T, phường B, quận T, THÀNH PHỐ H.

5. Bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T - sinh năm 1987 (có mặt).

6. Bà Nguyễn Huỳnh Thủy T - sinh năm 2000 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 1184 đường L, xã P, huyện N, THÀNH PHỐ H.

7. Ông Nguyễn Huỳnh Phúc T - sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số 5L8 đường H, thành phố M, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huỳnh Phúc T: Bà Nguyễn Mộng N – sinh năm 2000 (theo giấy ủy quyền có số công chứng 5952, quyền số 14/2024TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 01/8/2024 tại Phòng công chứng số 1, tỉnh G) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Huỳnh Phúc T: Ông Vũ L – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Medilaw, thuộc Đoàn Luật sư THÀNH PHỐ H (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 8 Nguyễn Cảnh Chân, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, THÀNH PHỐ H.

8. Ông Nguyễn Huỳnh Phúc R - sinh năm 1997 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huỳnh Phúc R: Bà Nguyễn Mộng N – sinh năm 2000 (theo giấy ủy quyền có số công chứng 008463, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 15/8/2024 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn) (có mặt).

Địa chỉ: Số 8 Nguyễn Cảnh Chân, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, THÀNH PHỐ H.

9. Bà Nguyễn Huỳnh Diễm T - sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Huỳnh Phúc S - sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 11/12E đường S, tổ 17, khu phố 4, phường H, Quận B, THÀNH PHỐ H.

11. Ông Nguyễn Huỳnh Phúc X - sinh năm 1995 (Bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 32/2023/QĐST-DS ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân QUẬN X).

Người đại diện theo pháp luật của ông Nguyễn Huỳnh Phúc X: Bà Nguyễn Thị Ngọc M - sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 357/22/3 đường T, phường B, quận T, THÀNH PHỐ H.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 03/6/2022, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Trọng M trình bày:

Nhà đất số 1600/1 đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 499074 do UBND QUẬN X cấp ngày 22/7/2011, số vào sổ GCN: CH 08122 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1914 - chết năm 1992) và Trần Thị L (sinh năm 1927 - chết năm 2018) để lại. Ông H và bà L có 04 người con là: bà Nguyễn Thị Mai D, ông Nguyễn Chí C, bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1954 - chết năm 2010), không có chồng con, ông Nguyễn Duy Th

(sinh năm 1952 - chết năm 2011), ông Th và bà Trần Thị X đã ly hôn vào năm 1984 có 4 người con: Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Duy T. Năm 1985 ông Th kết hôn với bà Huỳnh Thị Tuyết Mai – chết năm 2021 có 07 người con gồm: Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T.

Ngày 17/11/2011, bà L đã làm di chúc để lại ông C toàn bộ phần di sản của bà là phần sử dụng, phần sở hữu và phần thừa kế của bà trong quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 31, địa chỉ 362/3 nay là 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H. Từ đó đến nay, các anh chị không thỏa thuận được nên ông C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất nêu trên do ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L chết để lại. Phần thừa kế mà ông được hưởng là 3/4 giá trị Nhà đất số 1600/1 đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định phần thừa kế mà nguyên đơn được hưởng là 8/10 giá trị Nhà đất số 1600/1 đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

Giá trị nhà và đất của di sản thừa kế các bên đồng ý theo báo cáo kết quả thẩm định tài sản ngày 05/6/2024 là 13.642.198.700 đồng. Nguyên đơn có ý kiến được nhận căn nhà trên để sinh sống và làm nơi thờ tự vì từ trước đến nay ông sinh sống, sử dụng căn nhà trên, phân di sản thừa kế mà ông được hưởng chiếm hơn 8/10 giá trị nhà và đất. Nguyên đơn sẽ hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tính tại thời điểm thi hành án.

- Bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông là con của ông Nguyễn Duy Th (sinh năm 1952 - chết năm 2011). Ông Th và bà Trần Thị X đã ly hôn vào năm 1984 có 4 người con: Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Duy T. Năm 1985 ông Th kết hôn với bà Huỳnh Thị Tuyết Mai – chết năm 2021 có 07 người con gồm: Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T.

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về các hàng thừa kế, nguồn gốc căn nhà số 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H và giá trị nhà đất căn nhà trên là 13.642.198.700 đồng, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T trình bày tại bản khai: các ông bà là con của ông Nguyễn Duy Th (sinh năm 1952 - chết năm 2011) thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về các hàng thừa kế, nguồn gốc căn nhà số 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H và giá trị nhà đất căn nhà trên là 13.642.198.700 đồng, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Huỳnh Phúc T trình bày: do vụ kiện đã rõ ràng nên ông không phát biểu ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, việc đưa vụ án ra xét xử đúng các quy định của pháp luật. Qua kiểm sát hồ sơ vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chia di sản thừa kế nhà đất tại địa chỉ số 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H cho các hàng thừa kế, phần tài sản ông Nguyễn Chí C được hưởng hơn 8/10 giá trị tương đương với số tiền 11.018.698.950 đồng. Bà Nguyễn Thị Mai D được hưởng 1/5 trong phần di sản của ông Hai tương đương 1.364.219.870 đồng. Ông/ bà Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Duy T mỗi người được hưởng 1/13 trong phần di sản của ông Th được hưởng từ ông Hai tương đương 104.939.990 đồng; ông/bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T mỗi người được hưởng 1/13 trong phần di sản của ông Th được hưởng từ ông Hai tương đương 104.939.990 đồng cộng với phần di sản của bà Mai hưởng từ ông Th chia đều cho 7 người con tương đương 14.991.427 đồng, tổng cộng mỗi người được hưởng 119.931.417 đồng. Ông C có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tính tại thời điểm thi hành án.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phần tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Chí C và ông Nguyễn Duy T là tranh chấp về thừa kế tài sản. Di sản thừa kế tại địa chỉ 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, TPHCM. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ông Nguyễn Chí C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị nhà đất tại địa số 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, TPHCM, phần di sản ông được hưởng là hơn 8/10 giá trị di sản, ông sẽ hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tính tại thời điểm thi hành án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn nhà số 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, TPHCM được UBND QUẬN X TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

BE 499074 ngày 22/7/2011, số vào sổ GCN: CH 08122 cho bà Trần Thị L đại diện cho nhóm người cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất theo tờ tường trình về quan hệ nhân thân và giấy ưng thuận được UBND Phường 7, QUẬN X chứng thực số 044 quyền số 01 SCT/CK ngày 01/3/2011, căn nhà trên là tài sản chung của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1914 - chết năm 1992) và Trần Thị L (sinh năm 1927 - chết năm 2018), trước khi chết ông Hai không lập di chúc nhưng bà L có lập di chúc vào ngày 17/11/2011 với nội dung “sau khi bà qua đời thì ông Nguyễn Chí C sẽ được hưởng di sản của bà để lại là phần sử dụng, phần sở hữu và phần thừa kế của bà trong quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 31, địa chỉ 362/3 nay là 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H”. Ông Hai và bà L có 4 người con gồm bà Nguyễn Thị Mai D; ông Nguyễn Chí C; bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1954 - chết năm 2010) không có chồng con; ông Nguyễn Duy Th (sinh năm 1952 - chết năm 2011).

Ông Nguyễn Duy Th chung sống với bà Trần Thị X đã ly hôn vào ngày 19/12/1984 có 4 người con: Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Duy T. Năm 1985 ông Th kết hôn với bà Huỳnh Thị Tuyết Mai (sinh năm 1962 - chết năm 2021) có 07 người con: Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T. Ông Th chết sau ông Hai nhưng chết trước mẹ là bà Trần Thị L do đó những người được hưởng phần di sản thừa kế của ông Th gồm có bà Trần Thị L (mẹ ruột), Huỳnh Thị Tuyết Mai (vợ) và 11 người con.

Các đương sự thống nhất về hàng thừa kế cũng như cách phân chia giá trị di sản thừa kế là giá trị nhà đất tại địa chỉ số 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, TPHCM, ông Hai và bà L mỗi người sở hữu 1/2 giá trị căn nhà, phần di sản thừa kế của ông Hai sẽ được chia làm 5 phần bằng nhau, cụ thể bà L, bà Dung, ông C, ông Th, bà Sáu mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau là 10% giá trị di sản; Do bà Nguyễn Thị S chết trước bà L, không có chồng con, không để lại di chúc, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 676 BLDS năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của bà Sáu là bà Trần Thị L (mẹ) được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế của bà Sáu (10%).

[2.2] Phần di sản thừa kế mà ông Th được hưởng 10% được phân chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Th gồm 13 người : bà Trần Thị L, bà Huỳnh Thị Tuyết Mai, bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, bà Nguyễn Huỳnh Diễm T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc S, ông Nguyễn Huỳnh Phúc T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc X, ông Nguyễn Huỳnh Phúc R, bà Nguyễn Huỳnh Thủy T. Phần di sản của ông Th sẽ chia làm 13 phần mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 0,769% làm tròn số là 0,77% giá trị di sản thừa kế (phần di sản thừa kế này bà L được hưởng, ông C đồng ý nhận 0,76% để đúng số 100%).

[2.3] Phần di sản bà Huỳnh Thị Tuyết Mai được hưởng từ ông Th (0,77%), do bà Mai đã mất vào năm 2021 (cha mẹ của bà Mai đã mất trước bà Mai) nên phần di sản này sẽ được chia đều cho 7 người con: Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh

Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 0,11% giá trị di sản thừa kế.

[2.4] Như vậy phần di sản thừa kế của Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T được hưởng từ ông Th và bà Mai, mỗi người được hưởng là $0,77\% + 0,11\% = 0,88\%$ giá trị di sản thừa kế.

[2.5] Phần giá trị di sản thừa kế bà Trần Thị L được hưởng là 20,76% (10% của bà hưởng của ông Hai, 10% bà được hưởng của bà Sáu, 0,76% bà được hưởng của ông Th) cộng với phần sở hữu của bà là 50%, tổng cộng bà L được hưởng: 70,76% giá trị; ông Nguyễn Chí C được hưởng 10% nhưng do ngày 17/11/2011 bà L đã làm di chúc tặng cho ông C được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế cũng như phần sở hữu của bà nên toàn bộ phần di sản của bà L sẽ do ông C được hưởng, tổng cộng ông C được hưởng 80,76% giá trị giá trị di sản thừa kế.

[2.6] Phần di sản thừa kế của Nguyễn Huỳnh Phúc X do bị mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 32/2023/QĐST-DS ngày 30/3/2023, hiện nay ông Thoại được bà Nguyễn Thị Ngọc M là giám hộ theo quyết định số 02/TLGH ngày 19/8/2023 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, TP.H. Do đó phần di sản thừa kế của ông Thoại sẽ được giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc M quản lý tài sản.

[2.7] Phần di sản thừa kế của Nguyễn Huỳnh Phúc S do ông Thiện vắng mặt tại nơi cư trú, gia đình không biết tin tức hiện nay ông Thiện cư trú ở đâu. Tòa án nhân dân Quận 7 đã ban hành quyết định số 68/2022/TB-VDS ngày 17/3/2022 về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Nguyễn Huỳnh Phúc S, sinh năm 1991, địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi vắng mặt Số 11/12E đường S, tổ 17, khu phố 4, phường H, Quận B, THÀNH PHỐ H. Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân QUẬN X đã thông báo triệu tập ông Thiện trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Thiện vẫn không có mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 65 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án chỉ định giao phần di sản thừa kế mà ông Thiện được hưởng cho bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T – là chị gái của ông Thiện quản lý tài sản.

[2.8] Đối với đơn trình bày đề ngày 07/8/2024 của bà Nguyễn Huỳnh Diễm T gửi đến Tòa qua đường bưu điện vào ngày 08/8/2024, đề nghị “trường hợp bà được chia tài sản thừa kế theo quy định thì bà đồng ý nhận phần thừa kế này và tự nguyện tặng lại toàn bộ cho ông Nguyễn Huỳnh Phúc T. Ông Thái có trách nhiệm quản lý, sử dụng, định đoạt số tài sản trên để lo chăm sóc, chữa bệnh cho em trai Nguyễn Huỳnh Phúc X”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh bà Thư không còn cư trú tại địa chỉ: 11/12^E Trần Xuân Soạn, tổ 17, khu phố 4, Phường Tân Hưng, Quận 7, THÀNH PHỐ H từ năm 2019. Tòa án nhân dân QUẬN X đã thông báo triệu tập bà Thư trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Thư không có mặt, đến ngày 08/8/2024 Tòa án nhận được đơn trình bày của bà Thư gửi qua đường bưu điện trong đơn bà Thư ghi địa chỉ: ấp T, xã H, huyện O, Tỉnh V. Chữ ký trong đơn không có sự chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên hội đồng xét xử không có căn cứ xác

định đây có phải là chữ ký cũng như ý chí nguyện vọng của bà Thu không, nên hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này, phần di sản thừa kế của bà Thu vẫn giao cho bà Thu được toàn quyền sở hữu.

Các bên đã thống nhất giá trị nhà đất 1600/1 Đường V, Phường B, QUẬN X, TP.H theo báo cáo kết quả thẩm định là 13.642.198.700 đồng, đây là căn cứ để Tòa án tính án phí dân sự sơ thẩm mà các đương sự phải nộp trên số tiền tương đương được hưởng.

[2.9] Theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015 thì “những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia”.

Diện tích của thửa đất số 65, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: 362/3 (nay là 1600/1) Đường V, Phường B, QUẬN X, TP.H được nhà nước công nhận là 146,9 m²,

Nguyên đơn có nguyện vọng được nhận nhà vì từ trước đến nay nguyên đơn là người sử dụng căn nhà trên, mặc khác do nguyên đơn được hưởng đến 4/5 giá trị căn nhà nên nguyên đơn đề nghị được nhận nhà và sẽ hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế tại thời điểm thi hành án. Tại phiên tòa các đương sự trình bày có nguyện vọng được nhận tiền phần di sản thừa kế mà mình được hưởng. Bà Dung có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng phần di sản của bà Dung được hưởng chỉ có 10% giá trị di sản thừa kế nên không thể phân chia di sản thừa kế cho bà Dung bằng hiện vật, vì 10% của diện tích nhà và đất trên chỉ có 14,6m², không đủ diện tích để tách thửa theo quy định của pháp luật, mặc khác các đương sự có mặt tại phiên tòa đều đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc nhận tiền trên giá trị được phân chia nên hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của nguyên đơn sẽ hoàn lại phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tính tại thời điểm thi hành án.

Từ những nhận định trên đây Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Chí C. Phần di sản thừa kế của ông C được hưởng là 80,76% giá trị căn nhà, ông C có nghĩa vụ hoàn lại phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tính tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Các đương sự sẽ phải chịu án phí tương đương với phần di sản thừa kế mà mình được hưởng, riêng đối với ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1953, bà Nguyễn Thị Mai D, sinh năm 1951 đã trên 60 tuổi có đơn xin miễn nộp án phí, thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Chí C, bà Nguyễn Thị Mai D.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Nguyễn Duy T mỗi người phải chịu 5.247.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, bà Nguyễn Huỳnh Diễm T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc S, ông Nguyễn Huỳnh Phúc T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc X, ông

Nguyễn Huỳnh Phúc R, bà Nguyễn Huỳnh Thủy T mỗi người phải chịu 5.996.571 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm c khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180, điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 điều 59, khoản 2 điều 65, các điều 611, 612, 624, 646, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Xác định căn nhà và đất tọa lạc tại số 362/3 (nay là 1600/1) Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BE 499074 ngày 22/7/2011, sổ vào sổ GCN: CH 08122.

2/ Phân chia tài sản trên cho các đồng sở hữu và thừa kế:

Ông Nguyễn Chí C được hưởng phần di sản thừa kế tương đương 80,76% giá trị nhà và đất.

Bà Nguyễn Thị Mai D được hưởng phần di sản thừa kế tương đương 10% giá trị nhà và đất.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Nguyễn Duy T mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế tương đương 0,77% giá trị nhà và đất.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, bà Nguyễn Huỳnh Diễm T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc S, ông Nguyễn Huỳnh Phúc T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc X, ông Nguyễn Huỳnh Phúc R, bà Nguyễn Huỳnh Thủy T mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế tương đương 0,88% giá trị nhà và đất.

Giao phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Huỳnh Phúc X được hưởng cho bà Nguyễn Thị Ngọc M quản lý.

Giao phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Huỳnh Phúc S được hưởng cho bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T quản lý.

3/ Giao cho ông Nguyễn Chí C được sở hữu căn nhà và đất tọa lạc tại số 362/3 (nay là 1600/1) Đường V, Phường B, QUẬN X, THÀNH PHỐ H. Ông Nguyễn Chí C có nghĩa vụ hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo tỷ lệ đã được phân chia.

Sau khi ông Nguyễn Chí C hoàn thành các nghĩa vụ đối với các đồng thừa kế và nghĩa vụ đối với nhà nước. Ông Nguyễn Chí C có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

4/ Nếu quá thời hạn trên ông Nguyễn Chí C không thực hiện hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế mà các người thừa kế được hưởng theo quy định tại điểm 2/, thì các ông bà Nguyễn Thị Mai D, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Văn

T, Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Duy T, Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, Nguyễn Huỳnh Diễm T, Nguyễn Huỳnh Phúc S, Nguyễn Huỳnh Phúc T, Nguyễn Huỳnh Phúc X, Nguyễn Huỳnh Phúc R, Nguyễn Huỳnh Thủy T có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi căn nhà và đất nêu trên để phân chia theo đúng phần giá trị mỗi người được hưởng, sau khi trừ đi chi phí thi hành án.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị Mai D, sinh năm 1951 có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Nguyễn Duy T mỗi người phải chịu 5.247.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Phương T, bà Nguyễn Huỳnh Diễm T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc S, ông Nguyễn Huỳnh Phúc T, ông Nguyễn Huỳnh Phúc X, ông Nguyễn Huỳnh Phúc R, bà Nguyễn Huỳnh Thủy T mỗi người phải chịu 5.996.571 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7/ Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

8/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.H;
- VKSND Q6;
- Chi cục THA DS QX;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu